

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN IV

### Phẩm 7: BỐN TƯỚNG 1

Đức Phật lại bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng về nghĩa. Những gì là bốn? Một là tự chánh, hai là tha chánh, ba là có thể theo câu hỏi mà đáp, bốn là khéo giải nghĩa nhân duyên. Này Ca-diếp! Sao gọi là Tự chánh? Đó là Phật Như Lai thấy các nhân duyên mà có điều cần nói lên. Ví như vị Tỳ-kheo thấy đám lửa lớn liền nói lên: “Ta thà ôm lấy đám lửa cháy rực đó, nhất định chẳng dám đối với lời thuyết giảng mười hai bộ loại kinh điển và tạng bí mật của Như Lai mà bài báng: “Kinh này là lời nói của ma”. Hoặc nói: “Như Lai, Phật, Pháp, Tăng là vô thường”. Người nói như vậy là tự lừa dối, cũng lừa dối người khác. Thà dùng dao bén tự cắt lưỡi của mình, nhất định chẳng nói: “Như Lai Phật, Pháp, Tăng là vô thường”. Nếu nghe người khác nói cũng chẳng tin thọ. Đối với người nói này nên sinh lòng thương xót. Như Lai, Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn nên thọ trì như vậy. Tự quán thân mình giống như đồng lửa. Đó gọi là Tự chánh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Tha chánh? Khi Đức Phật nói pháp, có một người con gái nuôi trẻ con bằng sữa, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, có điều đang nhớ nghĩ, tâm mãi suy tư ngồì về một phía. Bấy giờ, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi: “Người vì thương con nên cho trẻ ăn nhiều váng sữa mà chẳng biết trừ lượng có tiêu hóa được cùng chẳng tiêu hóa được”. Khi ấy, người con gái liền bạch Phật: “Kỳ lạ thay! Thưa Thế Tôn! Ngài có thể biết rõ được điều suy nghĩ trong lòng của con. Nguyện xin Như Lai dạy con ít

nhiều. Bạch Thế Tôn! Vào sáng nay, con cho trẻ ăn nhiều váng sữa, sợ chẳng thể tiêu hóa, sẽ bị yếu thọ. Cúi xin Như Lai chỉ dạy cho con”. Phật dạy: “Con của người đã ăn tức thời tiêu hóa, tăng thêm thọ mạng”. Người con gái nghe rồi lòng rất hớn hởi, lại thưa: “Như Lai nói chân thật nên con hoan hỷ. Thưa Thế Tôn! Như vậy thì vì muốn điều phục các chúng sinh nên khéo có thể phân biệt nói tiêu hóa hay chẳng tiêu hóa, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật Thế Tôn trước nói “Thường” thì đồ chúng được giáo hóa sẽ nói rằng, pháp này đồng với pháp ngoại đạo, họ liền bỏ đi”. Phật bảo người con gái: “Nếu con người lớn lên có thể tự đi lại, phạm việc ăn uống có thể tiêu cái khó tiêu mà vẫn cho ăn váng sữa như cũ thì chẳng cung cấp đủ. Đệ tử Thanh văn của Ta cũng như vậy, như đứa con của người, họ chẳng thể tiêu hóa pháp thường trụ này. Nên Ta trước nói khổ, vô thường. Nếu những đệ tử Thanh văn của Ta công đức đã đủ, đủ sức tu tập kinh điển Đại thừa thì Ta sẽ vì họ giảng nói về sáu vị ở kinh này. Những gì là sáu vị? Đó là vị chua của khổ, vị mặn của vô thường, vị đắng của vô ngã, vị ngọt của lạc, vị cay của ngã, vị nhạt của thường. Trong thế gian có ba thứ vị, đó là vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa. Do nhân duyên đó mà thành món ăn Niết-bàn, gọi là thường, lạc, ngã, khiến cho các đệ tử đều ham thích”. Đức Phật lại bảo người con gái: “Người nếu có duyên muốn đến xứ khác nên đuổi đứa con xấu ra khỏi nhà, rồi đem hết kho báu giao cho đứa con tốt”. Người con gái lại bạch Phật: “Thật đúng như lời dạy của Đức Thánh. Kho tàng châu báu chỉ cho đứa con tốt, chẳng nên cho đứa con xấu”. Phật bảo: “Ta cũng như vậy, khi Bát-niết-bàn, pháp tạng vô thượng vi mật của Như Lai, Ta chẳng trao cho các đệ tử Thanh văn v.v... như kho báu của người chẳng cho đứa con ác, mà cần phải phó chúc cho các Bồ-tát v.v... như người đem kho báu ủy thác cho đứa con tốt. Vì sao? Vì đệ tử Thanh văn sinh ra tưởng về biến đổi cho rằng Phật Như Lai diệt độ thật. Nhưng Ta thật chẳng diệt độ. Như người trong thời gian đi xa chưa trở về, đứa con xấu của người liền nói rằng người đã chết, mà người thật chẳng chết. Các Bồ-tát nói rằng, Như Lai thường còn chẳng biến đổi như đứa con tốt của người chẳng nói người chết. Do ý

nghĩa này nên Ta đem pháp tạng bí mật vô thượng giao phó cho các Bồ-tát. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh cho rằng Phật thường trụ chẳng biến dịch thì phải biết nhà này là nhà có Phật”. Đó gọi là Tha chánh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời? Nếu có người đến hỏi Phật Thế Tôn: “Tôi phải làm gì để chẳng bỏ tiền của mà được tiếng là người đàn-việt đại thí?”. Phật nói: “Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ít dục, biết đủ, chẳng thọ nhận, chẳng nuôi vật bất tịnh thì nên thí cho người ấy tở trai, tở gái, người sai bảo, người tu phạm hạnh thì thí cho nữ sắc, kẻ đoan dứt rượu thịt thì thí cho rượu thịt, người chẳng ăn quá ngọ thì thí cho bữa ăn quá ngọ, người chẳng dùng hương hoa thì thí cho hương hoa. Người bố thí như vậy thì danh tiếng vang lừng cùng khắp thiên hạ mà chưa từng tổn phí một hào của mình. Đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà đáp.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người ăn thịt chẳng nên thí cho thịt. Vì sao? Vì con thấy người chẳng ăn thịt có công đức lớn.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay ông mới có thể hiểu biết ý của Ta. Bồ-tát hộ pháp cần phải như vậy. Nay thiện nam! Từ ngày hôm nay, bắt đầu chẳng cho phép đệ tử Thanh văn ăn thịt. Như khi thọ đàn-việt tín thí thì nên xem thức ăn đó như thịt của con mình.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Như Lai chẳng cho ăn thịt?

–Nay thiện nam! Người ăn thịt thì dứt mất giống đại từ.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi:

–Vì sao trước đây Như Lai cho phép Tỳ-kheo ăn ba thứ tịnh nhục?

–Này Bồ-tát Ca-diếp! Ba thứ tịnh nhục đó là tùy theo sự việc mà chế ra.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà mười thứ bất tịnh cho đến chín thứ thanh tịnh mà lại chẳng cho phép?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Cũng là nhân việc đó mà cấm chế dần, ông phải biết đó tức là thị hiện nghĩa đoạn nhục.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Tại sao Như Lai khen thịt cá là món ăn ngon?

–Này thiện nam! Ta cũng chẳng nói những gì thuộc về thịt, cá là món ăn ngon, mà Ta nói lúa, gạo, đường, tất cả lúa mạch, đường đen, sữa, cao sữa, váng sữa, dầu dùng làm món ăn ngon. Tuy Ta nói nên sắm đủ thứ quần áo, nhưng cái nên sắm phải là đồ hoại sắc, huống chi là tham trước vị thịt cá.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Như Lai nếu chế chẳng ăn thịt thì năm thứ vị như sữa, bơ, nước cao sữa, váng sữa tươi, váng sữa chín, dầu mè v.v... và các y phục, áo kiêu xa gia, ngọc kha, da thuộc, vàng, bạc, chén, bát v.v..., những vật như vậy cũng chẳng nên thọ nhận.

–Này thiện nam! Ông chẳng nên đồng sở kiến với hạng Ni-kiến kia. Như Lai đã chế ra tất cả giới cấm đều có ý khác. Do ý khác nên cho phép ăn ba thứ tịnh nhục, do tướng khác nên đoạn tuyệt mười thứ thịt, do tướng khác nên tất cả đều dứt dù cho con vật đã chết. Này Ca-diếp! Ta từ hôm nay cấm chế các đệ tử chẳng được ăn tất cả thịt nữa. Này Ca-diếp! Người ăn thịt ấy hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt của chúng đều sinh kinh sợ. Ví như có người gần gũi với sư tử, rồi mọi người thấy người đó có mùi hôi của sư tử cũng sinh kinh sợ.

Này thiện nam! Như người ăn tỏi mùi hôi khó chịu. Người khác nghe hôi nên bỏ đi. Giả sử người thấy từ xa còn chẳng muốn nhìn huống chi là phải đến gần họ. Người ăn thịt cũng như vậy, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt của chúng đều sợ hãi phát sinh tư tưởng sợ chết. Những loài có mạng sống đi trong hư không, dưới đất, trong nước đều bỏ chạy hết, đều cho người này là oán địch của mình. Vậy nên Bồ-tát chẳng tập ăn thịt, nhưng vì độ chúng sinh mà thị hiện ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt nhưng kỳ thật chẳng ăn. Này thiện nam! Như vậy Bồ-tát đối với những món thanh tịnh còn chẳng ăn, huống chi là

ăn thịt. Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, vô lượng trăm ngàn các bậc Thánh nhân của bốn quả đều Niết-bàn, sau khi chánh pháp diệt, ở trong đời tượng pháp, sẽ có Tỳ-kheo với dáng vẻ giữ gìn luật mà ít đọc tụng kinh, ham thích ăn uống, trưởng dưỡng thân mình. Thân thể ăn mặc thô bỉ xấu xí, hình dung tiêu tụy, không có uy đức, chân thả trâu dê, gánh vác củi cỏ, tóc râu bờm xồm, móng dài và bén. Họ tuy mặc áo ca-sa nhưng giống như thợ săn, tuy nhìn chăm bước chậm mà như mèo rình chuột. Họ thường xưng lên: “Ta đắc quả A-la-hán” chịu nhiều thứ bệnh, nằm ngủ trên phân bần. Bên ngoài họ hiện vẻ hiền thiện mà bên trong ô m lòng tham lam ganh ghét, như Bà-la-môn thọ phép cầm v.v... Thật chẳng phải Sa-môn mà hiện hình dáng Sa-môn, tà kiến hững hục, bài báng chánh pháp. Những người như vậy phá hoại sự chế ra giới luật để chánh hạnh oai nghi, nói quả giải thoát để lừa khỏi pháp bất tịnh của Như Lai và phá hoại giáo lý bí mật thâm diệu. Họ đều tự theo ý nói ngược lại kinh luật: “Như Lai đều cho chúng ta ăn thịt”. Họ tự tạo ra lập luận này mà nói rằng chính là Phật nói rồi cùng tranh cãi, đều tự xưng là Thích tử Sa-môn. Này thiện nam! Bây giờ, lại có những Sa-môn gom chứa thóc gạo, nhận lấy thịt cá, tự tay làm ăn, nắm giữ bình dầu, lọng báu, giày da, gân gũi quốc vương, đai thân, trưởng giả, xem tướng tinh tú, siêng học nghề thuốc, nuôi dưỡng nô tỳ, gom chứa vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, bích ngọc, kha bối v.v... đủ thứ trái quả. Họ học tập các kỹ nghệ, họa sư, tô trát, soạn sách dạy học, gieo trồng cây cối, cách dùng độc, chú thuật huyền hóa, hòa hợp các thuốc, tấu xướng kỹ nhạc, hương hoa trang điểm thân, đánh bạc, chơi cờ vây v.v... học các nghề khéo léo. Nếu có vị Tỳ-kheo có thể lừa khỏi các việc ác như vậy thì Ta sẽ nói người này là đệ tử chân chính của Ta.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nương vào người khác mà sống, nếu khi xin ăn mà được thức ăn có lẫn thịt thì làm sao thức ăn xin được hợp với pháp thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Phải dùng nước rửa sạch làm cho thịt tách ra rồi mới ăn. Nếu đồ đựng thức ăn bị thịt làm bẩn thì cần làm cho mất mùi vị là dùng được, không có tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thì chẳng nên thọ nhận. Tất cả thịt đều chẳng nên ăn, nếu ăn thì bị tội. Nay Ta xướng chế ra pháp đoạn nhục này. Nếu nói rộng thì chẳng thể hết mà thời điểm Niết-bàn đã đến. Vậy nên Ta lược nói thôi. Đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà đáp.

Này Ca-diếp! Sao gọi là khéo giải nghĩa nhân duyên? Như có bốn bộ chúng đến hỏi Ta: “Thưa Thế Tôn! Ý nghĩa như vậy thì khi Như Lai mới xuất hiện tại sao Ngài chẳng vì vua Ba-tư-nặc nói nghĩa của pháp môn thâm diệu đó? Hoặc khi thì nói sâu, hoặc khi nói cạn. Hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là chẳng phạm. Sao gọi là đọa? Sao gọi là luật? Sao gọi là nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa?”

Đức Phật dạy:

–Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là tri túc thành tựu oai nghi, không có sự thọ nhận, chất chứa, cũng gọi là sinh sống thanh tịnh. Đọa là gọi bốn đường ác. Lại nữa, đọa là rơi vào địa ngục cho đến chốn A-tỳ. Luận về độ nhanh chóng của việc đọa ấy thì hơn cả mưa rào. Người nghe kinh sợ, kiên trì giới cấm, chẳng phạm oai nghi, tu tập biết đủ, chẳng nhận tất cả vật bất tịnh. Lại nữa, đọa là nuôi lớn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do những nghĩa đó nên gọi là đọa. Ba-la-đề-mộc-xoa là lìa khỏi tà nghiệp bất thiện của thân, miệng, ý. Luật là vào giới oai nghi, nghĩa thiện trong kinh thâm diệu, ngăn chặn sự thọ nhận tất cả vật bất tịnh và nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn chặn bốn tội nặng, mười ba tầng tàn, hai pháp bất định, ba mươi xả đọa, chín mươi đọa, bốn pháp hối quá, pháp chúng học, bảy diệt tránh v.v... Hoặc lại có người phá tất cả giới. Sao gọi là tất cả? Đó là bốn trọng pháp cho đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc lại có người bài báng chánh pháp, kinh điển thâm diệu và Nhất-xiển-đề thành tựu đầy đủ hết tất cả tướng, không có nhân duyên. Những người như vậy tự nói rằng ta là người thông minh, trí tuệ lanh lợi, những tội nặng, nhẹ họ đều che giấu hết. Che giấu các ác như con rùa che giấu sáu bộ phận thân thể. Mọi tội lỗi như vậy mãi mãi chẳng hối cải. Do chẳng hối cải nên ngày đêm lớn thêm. Những Tỳ-kheo đó đã phạm mọi tội lỗi mà nhất

định chẳng phát lộ, vì vậy khiến cho sự vi phạm lại thêm nhiều hơn. Vậy Như Lai biết việc đó rồi thì dần dần theo thứ lớp mà cấm chế chẳng phải trong một lúc.

Bấy giờ, có thiện nam, thiện nữ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai biết việc như vậy lâu rồi, tại sao Ngài chẳng chế trước? Hay là Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh vào ngục A-tỳ? Ví như nhiều người muốn đến phương khác nhưng lạc mất đường chánh đi theo đường tà. Những người đó chẳng biết mình lạc đường nên đều cho là mình đi đúng đường. Họ lại chẳng gặp ai để hỏi đúng sai. Chúng sinh đối với pháp Phật cũng mê lầm như vậy, họ chẳng thấy chánh chân. Như Lai nên vì họ trước giảng nói chánh đạo, bảo cho các Tỳ-kheo biết, đây là phạm giới, đây là trì giới v.v... Như Lai phải chế ra như thế. Vì sao? Vì Như Lai Chánh Giác là người chân thật thấy biết chánh đạo. Chỉ có Như Lai, Đấng Thiên Trung Thiên mới có thể nói công đức tăng thượng của mười thiện và nghĩa vị ấy. Vậy nên con thừa thỉnh Như Lai nên chế giới trước.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói Như Lai có thể vì chúng sinh giảng nói công đức tăng thượng của mười điều thiện, tức là Như Lai xem các chúng sinh như La-hầu-la. Vậy tại sao nói khó rằng phải chăng Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh vào địa ngục? Ta thấy một người có nhân duyên rơi vào địa ngục A-tỳ mà còn vì người đó trụ ở đời một kiếp hoặc non một kiếp. Ta đối với chúng sinh có lòng đại từ bi thì vì duyên gì phải lừa dối người mà mình tưởng như con, khiến cho họ vào địa ngục? Này thiện nam! Như trong vương quốc có người khâu áo, thấy áo có lỗ thì sau đấy mới vá. Như Lai cũng vậy, thấy các chúng sinh có nhân duyên vào địa ngục A-tỳ thì mới dùng giới thiện vì họ mà ngăn chặn. Này thiện nam! Ví như vị Chuyển luân Thánh vương trước vì chúng sinh nói pháp mười điều thiện. Về sau dần dần có người làm ác thì nhà vua liền tùy theo việc để đoạn dứt dần. Đoạn các ác rồi sau đấy nhà vua tự thi hành pháp Thánh vương. Này thiện nam! Ta cũng như vậy, tuy có nói pháp chẳng được

chế giới trước, cần phải nhân Tỳ-kheo hành động phi pháp, dẫn dắt sau đây tùy theo sự việc mà chế ra. Chúng sinh ưa pháp theo lời dạy tu hành. Những chúng sinh như vậy mới có thể thấy được pháp thân của Như Lai. Như Chuyển luân vương có bánh xe báu chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn, hai ngôi báu Pháp, Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người hay nói pháp và người nghe pháp đều chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là giỏi giải nghĩa nhân duyên. Bồ-tát phân biệt khai thị bốn thứ tướng nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa nhân duyên trong Đại Niết-bàn của Đại thừa.

Lại nữa, tự chánh là gọi người được Đại Bát Niết Bàn này. Tha chánh là Ta vì Tỳ-kheo nói rằng, Như Lai thường tôn chẳng biến đổi. Đây Ca-diếp! Theo câu hỏi mà đáp là, nhân điều ông hỏi mới vì Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói rộng rãi nghĩa vi diệu sâu xa này. Nghĩa nhân duyên là, Thanh văn, Duyên giác chẳng hiểu được nghĩa sâu xa như vậy, chẳng nghe chữ Y do ba chấm mà thành, giải thoát, Niết-bàn, Ma-ha Bát nhã thành tạng bí mật. Ta nay ở đây, xiển dương, phân biệt vì các Thanh văn khai phát mắt tuệ. Giả sử có người nói như vậy: “Bốn việc như vậy sao gọi là một, chẳng phải hư vọng?” thì liền nên gạn hỏi lại là hư không không sở hữu, chẳng lay động, không ngăn ngại đối với bốn việc như vậy có gì sai khác? Điều này há có thể gọi là hư vọng chẳng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy!

Các câu như vậy tức là một nghĩa, gọi là nghĩa không. Tự chánh, tha chánh, tùy theo câu hỏi mà đáp, giải nghĩa nhân duyên cũng như vậy, tức là Đại Niết-bàn, không có khác.

Đức Phật dạy:

–Đây Ca-diếp! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nói như vậy: “Như Lai vô thường thì làm sao biết được là vô thường? Vì như Phật đã nói, diệt các phiền não gọi là Niết-bàn, giống như lửa tắt thì không còn, diệt các phiền não cũng như vậy nên gọi là Niết-bàn, thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dịch? Như Phật nói rằng, lìa các hữu thì mới gọi là Niết-bàn, trong Niết-bàn này không có các hữu thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến dịch?”



Như áo rách hết thì chẳng gọi là vật. Niết-bàn cũng vậy, diệt các phiền não chẳng gọi là vật thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dịch? Như Phật nói rằng lừa dục, tịch diệt gọi là Niết-bàn. Như người bị chém đầu thì không có đầu, lừa dục tịch diệt cũng như vậy, rỗng không không sở hữu nên gọi là Niết-bàn, thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dịch? Như Phật nói:

*Như sắc nóng đỏ  
Đập tóe lửa sáng  
Tan rồi liền diệt  
Không biết ở đâu  
Được chánh giải thoát  
Cũng lại như trên  
Đã vượt dâm dục  
Bùn lầy các hữu  
Được chỗ không động  
Chẳng biết đến đâu.*

Thế sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến đổi? Đây Ca-diếp! Nếu có người nêu lên câu hỏi như vậy thì gọi là hỏi tà. Đây Ca-diếp! Ông cũng chẳng nên nghĩ tưởng là tánh Như Lai chính là diệt tận. Đây Ca-diếp! Diệt phiền não thì chẳng gọi là vật. Vì sao? Vì “vĩnh viễn rốt ráo nên gọi là thường”, câu này tịch tĩnh không có gì trên, “diệt hết các tướng không còn sót”, câu này là trong sáng thường trụ không thoái lui. Vậy nên Niết-bàn gọi là thường trụ. Như Lai cũng vậy, thường trụ không biến đổi. Nói lửa tóe ra là chỉ cho phiền não. Tan rồi liền diệt, không biết ở đâu là nói chư Như Lai phiền não diệt rồi, chẳng ở tại năm đờng ác. Vậy Như Lai là pháp thường trụ, không có biến đổi. Lại nữa, đây Ca-diếp! Thầy của chư Phật là pháp. Nên Như Lai cung kính cúng dường. Do pháp thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Nếu lửa phiền não tắt thì Như Lai cũng diệt. Vậy thì Như Lai không chỗ thường trụ. Như màu đỏ của sắt tung tóe kia diệt rồi thì không biết đến đâu, phiền não của Như Lai cũng như vậy, diệt rồi

không chỗ đến. Lại như sức nóng của thanh sắt kia cùng với màu đỏ diệt rồi thì không có, Như Lai cũng vậy, diệt rồi thì không thường. Diệt lửa phiền não liền vào Niết-bàn, thì phải biết, Như Lai tức là vô thường.

–Này thiện nam! Nói sắt là chỉ các phàm phu. Người phàm phu tuy diệt phiền não, nhưng diệt rồi lại sinh ra nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng vậy, diệt rồi chẳng sinh ra nữa, nên gọi là thường.

Ca-diếp lại thưa:

–Như màu đỏ của sắt diệt rồi, đặt sắt trở lại trong lửa thì màu đỏ lại sinh ra. Như Lai nếu vậy nên trở lại sinh ra kết sử. Nếu kết sử sinh trở lại thì tức là vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ông nay chẳng nên nói lời Như Lai là vô thường như vậy. Vì sao? Vì Như Lai là thường. Này thiện nam! Như cây cháy kia tắt rồi thì có tro, phiền não diệt rồi liền có Niết-bàn. Áo rách, đầu bị chặt, bình bể v.v... những ví dụ đó cũng như vậy. Những vật như vậy đều có danh tự, gọi là áo rách, đầu chặt, bình vỡ. Này Ca-diếp! như sắt nguội rồi có thể làm cho nóng trở lại. Như Lai chẳng vậy, đoạn phiền não rồi thì rốt ráo thanh lương, lửa nóng phiền não lại chẳng sinh ra nữa. Này Ca-diếp! Ông phải biết, vô lượng chúng sinh giống như thanh sắt đó, Ta dùng lửa hừng trí tuệ vô lậu đốt cháy những phiền não kết của chúng sinh đó.

Ca-diếp lại thưa:

–Hay thay! Hay thay! Con nay biết chắc chắn lời Như Lai đã nói chư Phật là thường.

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ví như vị Thánh vương ở tại hậu cung, hoặc có lúc dạo xem tại hậu viên, lúc đó nhà vua tuy chẳng ở trong các thể nữ nhưng cũng chẳng thể nói rằng vị Thánh vương mạng chung. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, tuy chẳng hiện ở cõi Diêm-phù-đề, vào trong Niết-bàn, nhưng chẳng thể gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não, vào đến chỗ Niết-bàn an lạc, dạo vườn hoa giác, vui sướng an lạc.

Ca-diếp lại hỏi:

–Như Phật nói, Ta đã qua khỏi biển lớn phiền não lâu rồi, nếu Phật đã qua biển phiền não thì duyên cớ gì Ngài thu nạp bà Gia-du-đà-la, sinh ra La-hầu-la? Do nhân duyên này phải biết, Như Lai chưa qua được biển lớn những kết phiền não. Nguyên xin Như Lai nói về nhân duyên ấy.

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ông chẳng nên nói, Như Lai qua biển lớn phiền não đã lâu, cớ sao lại thu nạp Gia-du-đà-la, sinh ra La-hầu-la. Do nhân duyên này thì phải biết, Như Lai chưa qua biển lớn các kết phiền não. Này thiện nam! Đại Niết-bàn này có thể kiến lập đại nghĩa. Các ông nay phải chí tâm nghe cho kỹ, Ta vì mọi người nói rộng rãi, chớ sinh ra kinh sợ, nghi hoặc. Nếu có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn thì núi báu Tu-di cao rộng như thế đều có thể nắm cho vào ở trong hạt cải. Những chúng sinh nường ở núi Tu-di ấy cũng chẳng bị dồn ép, không biết là có sự vãng lai mà cho là vẫn như cũ không khác. Chỉ người căn cơ thích ứng mới thấy Bồ-tát này đem núi Tu-di nạp vào trong hạt cải, rồi đem để yên lại chỗ cũ. Này thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới vào trong hạt cải mà chúng sinh ở trong đó cũng không bị dồn ép và không biết là có sự vãng lai cho là như cũ không khác, chỉ người căn cơ thích ứng thì thấy vị Bồ-tát này đem ba ngàn đại thiên thế giới nạp vào trong hạt cải, rồi đem để yên lại chỗ cũ. Này thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới vào trong một lỗ chân lông cho đến đem để lại chỗ cũ cũng như vậy. Này thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn cất lấy thế giới chư Phật ở ba ngàn đại thiên trong mười phương đặt ở mũi kim khâu như râu lá táo, rồi ném đi, đặt ở thế giới Phật nơi phương khác mà tất cả chúng sinh ở trong ấy chẳng biết qua lại ở chỗ nào, chỉ có người căn cơ thích ứng mới có thể thấy việc đó cho đến chỗ cũ cũng như vậy. Này thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn cất lấy các thế giới chư Phật của ba ngàn đại thiên trong mười phương đặt vào bàn tay phải như vòng quay của thợ nặn, rồi ném đi, đặt vào thế giới nhiều như vi trần ở phương khác mà

không một chúng sinh nào biết là có qua lại, chỉ có người căn cơ thích ứng mới thấy việc đó cho đến chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn cất lấy tất cả thế giới của chư Phật nhiều không lường ở mười phương nạp hết vào thân mình mà chúng sinh trong ấy đều chẳng bị dồn ép, cũng không biết có sự qua lại và trú xứ, chỉ có người căn cơ thích ứng mới có thể thấy việc đó cho đến đem để lại chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn đem thế giới mười phương nạp vào trong một hạt bụi mà chúng sinh trong ấy không bị dồn ép và cũng không biết có sự qua lại, chỉ có người căn cơ thích ứng mới có thể thấy việc đó cho đến đem để lại chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát này trụ ở Đại Niết-bàn thì có thể thị hiện đủ thứ thân thông biến hóa không lường. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bồ-tát này đã có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa như vậy mà tất cả chúng sinh không thể đo lường được, thì sao ông nay có thể biết Như Lai quen gần ái dục để sinh ra La-hầu-la?

Nay thiện nam! Ta trụ ở Đại Niết-bàn này đã lâu, thị hiện đủ thứ thân thông biến hóa ở ba ngàn đại thiên thế giới, hàng trăm ức mặt trời mặt trăng, hàng trăm ức cõi Diêm-phù-đề này, Ta thị hiện đủ thứ như đã nói rộng rãi trong kinh Thủ-lăng-nghiêm. Ta ở ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn mà cũng chẳng rút ráo thủ lấy Niết-bàn. Hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện vào thai mẹ, khiến cho cha mẹ ấy sinh ra tư tưởng là con của mình, nhưng thân này của Ta rút ráo chẳng từ ái dục hòa hợp mà sinh ra. Đã lâu, từ vô lượng kiếp đến nay, Ta lìa khỏi ái dục. Thân này của Ta hôm nay tức là pháp thân, Ta thuận theo thế gian mà thị hiện vào thai mẹ. Nay thiện nam! Tại vườn Lâm-tỳ-ni của cõi Diêm-phù-đề này, Ta thị hiện từ mẹ Ma-da mà sinh ra. Sinh ra rồi Ta liền có thể đi về phía Đông bảy bước và xướng lên: “Ta ở trong hàng trời, người, A-tu-la... là tối tôn, tối thượng”. Cha mẹ, người, trời thấy rồi kinh ngạc vui mừng, cho là hy hữu. Những người này gọi Ta là đứa trẻ con nhưng thân này của Ta từ vô lượng kiếp đến nay đã lìa khỏi pháp đó lâu rồi. Thân như vậy tức là pháp thân, chẳng phải thân do sự thành lập của máu thịt, gân mạch, xương tủy. Ta thuận

theo pháp chúng sinh ở thế gian nên thị hiện làm trẻ con, đi bảy bước về phía Nam là thị hiện muốn vì vô lượng chúng sinh làm ruộng phước vô thượng, đi bảy bước về phía Tây là thị hiện sự sinh đã hết, đoạn tuyệt vĩnh viễn già chết, là thân sau cùng, đi bảy bước về phía Bắc là thị hiện đã qua khỏi sinh tử các cõi, đi bảy bước về phía Đông là thị hiện vì chúng sinh mà làm người dẫn đầu, đi bảy bước về bốn góc là thị hiện đoạn diệt đủ thứ phiền não, chủng tánh của bốn ma, thành tựu Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đi bảy bước về phía trên là thị hiện chẳng bị sự nhiễm ô của vật bất tịnh giống như hư không, đi bảy bước về phía dưới là thị hiện mưa pháp diệt lửa ở địa ngục, khiến cho chúng sinh kia hưởng thọ niềm vui yên ổn, đối với người hủy hoại giới cấm thì thị hiện làm sương mù mưa đá. Ở cõi Diêm-phù-đề, sinh ra được bảy ngày rồi thì thị hiện cạo tóc. Mọi người đều gọi Ta là đứa trẻ đầu tiên cạo tóc. Tất cả hàng trời, người, Ma vương Ba-tuần, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai có thể thấy tướng đánh của Ta, huống chi là có người cầm dao đến cạo tóc. Nếu có người cầm dao đến đánh của Ta thì đó là điều không có. Ta ở trong vô lượng kiếp cạo bỏ râu tóc đã lâu rồi, nhưng vì muốn thuận theo pháp thế gian nên thị hiện cạo tóc. Khi Ta đã sinh ra rồi, cha mẹ đem Ta vào trong đền thờ trời để Ta trình diện với Ma-hê-thủ-la kia. Ma-hê-thủ-la khi thấy Ta liền chấp tay cung kính đứng ở một bên. Ta ở trong vô lượng kiếp lâu xa lìa bỏ pháp vào đền thờ trời như vậy đã lâu rồi. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện râu tai mà thật ra tất cả chúng sinh không có ai có thể râu tai của Ta. Thuận theo pháp của chúng sinh của thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Lại dùng các báu làm vòng đeo tai sứ tử để trang điểm tai, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp lìa bỏ đồ trang điểm. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta tạo nên sự thị hiện đó. Ta thị hiện vào trường học học tập thư từ, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp thành tựu đầy đủ rồi. Quan sát khắp chúng sinh trong ba cõi thì không có ai đủ sức làm thầy Ta. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện vào học đường. Vậy nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri; học tập đi voi, cỡi ngựa, đấu vật v.v... đủ thứ kỹ nghệ cũng như vậy. Ở cõi Diêm-phù-

đề Ta lại thị hiện làm Thái tử. Chúng sinh thấy Ta làm Thái tử, ở trong năm dục, vui sướng hưởng lạc. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp lia bỏ thú vui của năm dục như vậy. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện tướng như vậy. Thấy tướng xem tướng cho Ta: “Nếu chẳng xuất gia thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, làm vua cõi Diêm-phù-đề”. Tất cả chúng sinh đều tin lời nói này. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp, bỏ ngôi vua Chuyển luân để làm vua Pháp luân. Ở cõi Diêm-phù-đề Ta thị hiện lia vui năm dục thể nữ, thấy cảnh già bệnh chết và Sa-môn, rồi xuất gia tu đạo. Tất cả chúng sinh đều cho là Thái tử Tất Đạt Đa mới bắt đầu xuất gia. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp xuất gia tu đạo. Thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu đạo, đạt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Mọi người đều cho rằng quả A-la-hán đó dễ được chẳng khó, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp thành tựu quả A-la-hán. Vì muốn độ thoát các chúng sinh nên Ta ngồi dưới cây Bồ-đề đạo tràng, dùng cỏ làm tòa ngồi, tiêu diệt hàng phục mọi thứ ma. Mọi người đều cho rằng, Ta đầu tiên ở dưới cây Bồ-đề đạo tràng hàng phục mọi thứ ma, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp lâu xa hàng phục chúng rồi. Vì muốn hàng phục chúng sinh cương cường nên Ta thị hiện sự biến hóa này. Ta lại thị hiện đại, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng, Ta thật sự có đại, tiểu tiện, thở ra, hít vào, nhưng thân này của Ta đã được quả báo không có những hoạn nạn đó. Thuận theo thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện thọ sự bố thí của con người, nhưng thân này của Ta đều không có đói khát, thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện đồng với các chúng sinh nên hiện có ngủ nghỉ, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp, đầy đủ trí tuệ thâm diệu vô thượng, lia xa ba cõi, đi đứng oai nghi, đầu, mắt, bụng, lưng, toàn thân, tật bệnh, đau đớn, chống gậy, đèn đáp, rửa ráy chân tay, rửa mặt, súc miệng, xỉa răng, tự làm sạch. Mọi người đều cho là Ta có những việc như vậy, nhưng thân này của Ta đều không có những điều này. Tay chân của Ta thanh tịnh giống như hoa sen, mùi thơm tịnh khiết như hương hoa Ưu-bát-la. Tất cả chúng sinh gọi Ta là

người, nhưng thật ra Ta chẳng phải người. Ta lại thị hiện nhận áo phấn tảo giặt giũ, may vá, nhưng Ta đã lâu chẳng cần y đó. Mọi người đều gọi La-hầu-la là con của Ta, vua Thâu-đầu-đàn là cha của Ta, phu nhân Ma-da là mẹ của Ta, Ta ở tại thế gian, thọ các diệu lạc rồi bỏ những việc như vậy mà xuất gia học đạo. Mọi người lại nói rằng, vị Thái tử các vua thuộc họ lớn Cù-đàm này xa lìa dục lạc thế gian mà cầu pháp xuất thế gian. Nhưng Ta lìa khỏi ái dục thế gian lâu rồi, những việc như vậy đều là thị hiện. Tất cả chúng sinh đều gọi Ta là người, nhưng Ta quả thật chẳng phải. Nay thiện nam! Ta tuy ở trong cõi Diêm-phù-đề này, luôn luôn thị hiện vào Niết-bàn, nhưng thật ra chẳng rốt ráo Niết-bàn mà các chúng sinh đều cho là Như Lai chân thật diệt độ, thật tánh của Như Lai thật chẳng diệt mất vĩnh viễn. Vậy nên ông phải biết đó là pháp thường trụ, pháp chẳng biến dịch. Nay thiện nam! Đại Niết-bàn tức là pháp giới của các Đức Phật Như Lai. Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, rồi xuất hiện ở thế gian. Các chúng sinh đều cho là Ta mới thành Phật, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp việc làm đã hoàn thành. Thuận theo pháp thế gian nên Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, bắt đầu xuất gia, thành Phật. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, chẳng giữ gìn giới cấm, phạm bốn trọng tội. Mọi người đều thấy và cho là Ta thật sự phạm tội. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp kiên trì giới cấm không có thiếu sót. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm Nhất-xiển-đề. Mọi người đều thấy Ta là Nhất-xiển-đề, nhưng Ta thật chẳng phải Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề thì sao có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, phá hòa hợp Tăng. Chúng sinh đều cho là Ta phá hòa hợp Tăng. Ta xem người, trời không có ai có thể phá hòa hợp Tăng. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, hộ trì chánh pháp. Mọi người đều cho Ta là hộ pháp, đều sinh ra kinh ngạc quái lạ. Pháp của chư Phật là vậy chẳng nên kinh ngạc quái lạ. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm ma Ba-tuần. Mọi người đều cho rằng Ta là ma Ba-tuần. Nhưng lâu rồi, Ta ở trong vô lượng kiếp đã lìa khỏi việc của ma, thanh tịnh vô nhiễm giống như hoa sen. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm thân nữ thành Phật. Mọi người thấy thế đều nói rằng lạ quá nữ nhân mà có

thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Lai rất ráo chẳng thọ thân nữ, nhưng vì muốn điều phục vô lượng chúng sinh nên hiện hình thân nữ. Vì thương xót tất cả chúng sinh nên Ta lại thị hiện đủ thứ hình dáng. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề sinh ra ở bốn đường, nhưng Ta đoạn tuyệt nhân của các đường ác lâu rồi. Chúng sinh do nghiệp nhân nên đọa vào bốn đường ác, vì độ họ nên Ta sinh ở trong đó. Ta lại thị hiện làm Phạm Thiên vương ở trong cõi Diêm-phù-đề để khiến cho kẻ phụng sự Phạm Thiên an trụ ở chánh pháp. Nhưng Ta thật sự chẳng phải là Phạm Thiên mà các chúng sinh đều cho rằng Ta là Phạm thiên thật. Việc thị hiện hình dáng trời ở khắp các miếu thờ trời cũng như vậy. Ta lại thị hiện vào nhà dâm nữ ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng Ta thật không có tư tưởng tham dục, thanh tịnh chẳng bắn, giống như hoa sen. Vì những chúng sinh tham dâm mê sắc, ở ngã tư đường lớn, Ta tuyên nói diệu pháp, nhưng Ta thật không có tâm dục ược mà mọi người cho là Ta thủ hộ nữ nhân. Ta lại thị vào nhà thanh y ở cõi Diêm-phù-đề, vì muốn khuyến hóa khiến cho họ trụ ở chánh pháp, nhưng Ta thật không có nghiệp ác rơi vào nhà thanh y như vậy. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm giáo sư khai hóa trẻ mới học khiến trụ ở chánh pháp. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề vào các quán rượu, sòng bạc, thị hiện đủ thứ thắng thua, tranh cãi, vì muốn cứu vớt những chúng sinh ở đó mà Ta thật không có nghiệp ác như vậy, nhưng các chúng sinh đều cho rằng Ta tạo tác nghiệp như vậy. Ta lại thị hiện trụ lâu ở bãi tha ma, làm thân chim thú lớn để độ các loài chim bay mà các chúng sinh đều cho rằng Ta thật sự là thân chim thú, nhưng lâu rồi Ta lìa khỏi nghiệp đó, vì muốn độ những chim thú kia nên Ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm đại trưởng giả, vì muốn an lập vô lượng chúng sinh trụ ở chánh pháp. Ta lại thị hiện làm những vua, đại thần, con vua, phụ tướng, ở trong chúng đó, đều là bậc nhất, vì tu chánh pháp nên ở ngôi vua. Ta lại thị hiện ở trong cõi Diêm-phù-đề, lúc kiếp dịch bệnh khởi lên, có nhiều chúng sinh bị khổ não dịch bệnh, Ta trước thí cho thuốc thang, sau đấy vì họ nói chánh pháp vi diệu, khiến cho họ an trụ vào Bồ-đề vô thượng. Mọi người đều gọi là kiếp bệnh khởi lên. Lại nữa, Ta thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề,



khi kiếp đói kém khởi lên, rồi tùy sự cần dùng của chúng sinh ấy mà cung cấp thức ăn, thức uống, rồi sau đấy vì họ mà nói chánh pháp vi diệu, khiến cho họ an trụ vào Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, Ta thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, khi kiếp đao binh khởi lên, liền vì chúng sinh nói pháp khiến cho họ lìa khỏi oán hại, làm cho họ được an trụ vào Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, Ta thị hiện vì kẻ chấp thường, nói tưởng về vô thường; kẻ chấp tướng vui thì vì họ nói về tướng khổ; kẻ chấp tướng ngã thì nói tưởng về vô ngã; kẻ chấp tướng tịnh thì nói tướng bất tịnh. Nếu có chúng sinh tham đắm ba cõi thì Ta liền vì họ nói pháp, khiến cho họ lìa khỏi chỗ đó. Để độ chúng sinh nên Ta vì họ nói thuốc pháp vi diệu vô thượng. Vì đoạn trừ tất cả cây phiền não nên Ta gieo trồng cây thuốc pháp vô thượng. Vì muốn cứu vớt các ngoại đạo nên Ta diễn nói chánh pháp. Tuy Ta thị hiện làm thầy của chúng sinh mà ngay từ đầu không có tư tưởng làm thầy của chúng sinh. Vì muốn cứu vớt các hạng hạ tiện nên Ta hiện vào trong ấy mà vì họ nói pháp chứ chẳng phải là do nghiệp ác mà thọ nhận thân này. Như Lai Chánh Giác an trụ vào Đại Bát Niết Bàn như thế, vậy nên gọi là thường trụ, không biến đổi. Như cõi Diêm-phù-đề, cõi Phất-vu-đãi ở phương Đông, cõi Cù-da-ni ở phương Tây, cõi Uất-đơn-việt ở phương Bắc cũng như vậy. Như bốn cõi thiên hạ, ba ngàn đại thiên thế giới cũng vậy, hai mươi lăm cõi như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm đã nói đầy đủ. Do vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu có Đại Bồ-tát an trụ vào Đại Bát Niết Bàn như vậy thì có thể thị hiện thần thông biến hóa như thế mà không sợ hãi. Nay Ca-diếp! Do nhân duyên đó ông chẳng nên nói rằng, La-hầu-la là con của Phật. Vì sao? Vì ở trong vô lượng kiếp xa xưa Ta đã lìa khỏi dục hữu. Vậy nên Như Lai gọi là thường trụ không có biến đổi.

Ca-diếp lại nói:

–Thưa Thế Tôn! Sao gọi là thường trụ? Như Phật nói, đèn tắt rồi không có phương sở. Như Lai cũng vậy, đã diệt độ rồi cũng không phương sở.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy, là đèn tắt

hết rồi không có phương sở, Như Lai cũng vậy, đã diệt độ rồi không có phương sở. Đây thiện nam! Ví như khi trai gái thắp đèn, thì bình dầu đèn lớn, nhỏ đều đựng đầy dầu. Tùy theo số dầu có trong ấy mà ánh sáng còn tồn tại. Nếu dầu hết rồi thì ánh sáng cũng hết theo. Ánh sáng ấy diệt là ví dụ cho phiền não diệt trừ. Ánh sáng tuy diệt hết nhưng bình đựng dầu vẫn tồn tại. Như Lai cũng vậy, phiền não tuy diệt nhưng pháp thân luôn tồn tại. Đây thiện nam! Ý ông thế nào? Ánh sáng cùng bình dầu đều diệt chăng?

Ca-diếp đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không! Tuy chẳng cùng diệt nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân ví cho bình dầu mà bình dầu vô thường thì pháp thân cũng vậy, nên là vô thường.

–Đây thiện nam! Ông nay chẳng nên hỏi như vậy. Như thế gian nói đồ chứa thì đối với Như Lai Thế Tôn là pháp khí vô thường. Khí dụng kia vô thường, chẳng phải Như Lai. Trong tất cả các pháp, Niết-bàn là thường, là thể Như Lai, nên gọi là thường. Lại nữa, đây thiện nam! Nói rằng, đèn tắt là nói sự chứng Niết-bàn của A-la-hán. Do diệt tham ái, các phiền não nên ví nó là đèn tắt. A-na-hàm thì gọi là có tham. Do có tham nên chẳng được nói là đồng với đèn tắt. Vậy nên Ta trước đây che tướng mà nói rằng, ví như đèn tắt, chẳng phải nói Đại Niết-bàn đồng với đèn tắt. A-na-hàm chẳng phải luôn luôn đến, lại chẳng trở lại hai mươi lăm hữu, lại chẳng thọ thân xứ, thân trùng, thân tạp thực, thân độc hại nữa. Đó gọi là A-na-hàm. Nếu lại thọ thân thì gọi là A-na-hàm, chẳng thọ thân thì gọi là A-na-hàm. Có đi, lại thì gọi là A-na-hàm, không đi, lại thì gọi là A-na-hàm.

